

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH PHƯỚC
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31//2019/HNGĐ-ST

Ngày: 06- 5 - 2019

V/v tranh chấp: "Ly hôn, con chung"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH PHƯỚC, TỈNH NINH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Sửu

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Lê Thị Hương

- Bà Phạm Vũ Kỳ Nguyên

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quen - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Phước tham gia phiên tòa: Ông Lê Muộn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2018/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018, về việc tranh chấp: "Ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32./2019/QĐXX-ST, ngày 03-4-2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 09, ngày 19-4-2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Năng Xuân A, sinh năm: 1979 (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Châu Thị L, sinh năm: 1981 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khu phố x, thị trấn P, huyện Ninh Phước, Ninh Thuận

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay ông Năng Xuân A trình bày:

- *Về hôn nhân:* Ông A, bà L tự tìm hiểu được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới về chung sống năm 1996 và có đến UBND thị trấn P đăng ký kết hôn năm 2009, Thời gian đầu vợ, chồng chung sống hạnh phúc cho đến khoảng năm 2017 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, hay xảy ra cãi vã, xích mích kéo dài không gian xếp

được dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng và đã sống ly thân; nay ông A xét thấy tình cảm giữa ông với bà L không còn, nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà L.

- Về con chung: Có 02 con chung chưa trưởng thành tên Năng Thị Thu T, sinh ngày 20-7-2003; Năng Châu Anh T, sinh ngày: 07-6-2008; hiện con chung bà L đang nuôi và ông A đồng ý để bà L tiếp tục nuôi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa ông A tự nguyện cấp dưỡng nuôi 2 con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng; Nhưng do bà L không yêu cầu ông A cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về thu nhập: Tại phiên Tòa ông A khai hiện đang làm bảo vệ thu nhập mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Còn về phía bị đơn: Tòa án đã tổng đạt các văn bản theo thủ tục tố tụng bà Châu thị L không có mặt nên Tòa án giải quyết vắng mặt bà L theo thủ tục tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Phước phát biểu: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật, trong quá trình giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử phiên tòa dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước thực hiện đúng thủ tục tố tụng từ khi triệu tập, thụ lý, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, hòa giải và các thủ tục khác cũng được thực hiện đầy đủ đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Đối với nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Luật hôn nhân gia đình, Bộ luật tố tụng dân sự tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho ông A được ly hôn bà L, giao bà L nuôi 02 con chung tên Năng Thị Thu T, sinh ngày 20-7-2003; Năng Châu Anh T, sinh ngày: 07-6-2008, bà L không yêu cầu ông A cấp dưỡng; tại phiên Tòa ông A tự nguyện cấp dưỡng 2 con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của ông A; về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp trong vụ án này là: "Ly hôn, nuôi con chung"

[2] Nội dung pháp luật áp dụng: Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn bà Châu Thị L, Kiểm sát viên yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn; Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự đưa ra xét xử vắng mặt bị đơn theo luật định.

[4] Về hôn nhân: Ông Năng Xuân A, bà Châu Thị L chung sống với nhau năm 1996; năm 2009 có đến cơ quan cấp có thẩm quyền đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc cho đến năm 2017 xảy ra mâu thuẫn không giải quyết được dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng và sống ly thân, ông Năng Xuân A xét thấy tình cảm giữa ông với bà L không còn nên ông làm đơn xin ly hôn bà L.

Qua các tài liệu đã thu thập được có trong hồ sơ thể hiện ông A, bà L có xảy ra mâu thuẫn trầm trọng chính quyền địa phương đã xác nhận ông A, bà L không còn sống chung, không có trách nhiệm với nhau và đã sống ly thân.

Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông A, bà L cuộc sống chung không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông A

xin ly hôn bà L là có căn cứ phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông A.

[5] Về con chung: Có 02 đứa con chung chưa trưởng thành tên Năng Thị Thu T, sinh ngày 20-7-2003; Năng Châu Anh T, sinh ngày: 07-6-2008; hiện bà L đang nuôi, ông An cũng đồng ý để bà L tiếp tục nuôi và nguyện vọng 2 con chung mong muốn được ở với bà L nên Hội đồng xét xử, xử giao cho bà L tiếp tục nuôi là phù hợp với nguyện vọng của nguyên đơn, bị đơn và các con chung.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa mặc dù ông An tự nguyện cấp dưỡng nuôi 2 con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng; Nhưng do bà L vắng mặt không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Phước tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở một phần; Hội đồng xét xử chấp nhận một phần ý kiến về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên.

[9] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, thì ông An là nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 38; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 "hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí";

Tuyên xử

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Năng Xuân A; ông Năng Xuân A được ly hôn bà Châu Thị L.

Về con chung: Giao cho bà Châu Thị L trực tiếp nuôi 02 con chung tên Năng Thị Thu T, sinh ngày 20-7-2003; Năng Châu Anh T, sinh ngày: 07-6-2008 (hiện bà L đang nuôi 2 con chung).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Năng Xuân A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Châu Thị L là người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Năng Xuân A là người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Về án phí: Buộc ông Năng Xuân A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; nhưng được khấu trừ vào số tiền 300,000 đồng ông A đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0017931 ngày 18-12-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Phước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06-5-2019). Riêng bị

đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án theo thủ tục tố tụng.

- Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Phước;
- THADS huyện Ninh Phước;
- UBND T.T P (để biết);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Sứ